

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ
SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHÍ LINH**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2010

Trụ sở chính:

Tầng 2. Số 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội.

Tel: (84.04) 2 2102901 Fax: (84.04) 3 5544639

Website : <http://www.mcl.com.vn>

Hà Nội, tháng 4 năm 2011

MỤC LỤC

I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
1.1.	Những sự kiện quan trọng	3
1.2.	Quá trình phát triển	8
1.3.	Định hướng phát triển.....	9
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
2.1.	Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	12
2.2.	Tình hình thực hiện năm 2010 so với kế hoạch.....	13
2.3.	Triển vọng và kế hoạch kinh doanh năm 2011.....	14
III.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	16
3.1.	Báo cáo tình hình tài chính	16
3.2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
3.3.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được.....	22
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN.....	23
4.1.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	23
4.2.	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010.....	25
4.3.	Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2010 (Theo phương pháp trực tiếp).....	25
V.	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	27
5.1.	Kiểm toán độc lập	27
5.2.	Kiểm toán nội bộ:.....	27
VI.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	28
VII.	TỔ CHỨC NHÂN SỰ.....	28
7.1.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	28
7.2.	Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động	29
VIII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	31
8.1.	Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	31
8.2.	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	40
8.3.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn đến 13/12/2010:	40

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Những sự kiện quan trọng

Thành lập:

- Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ban hành mới nhất số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua lần đầu năm 2006 và sửa đổi, bổ sung toàn văn năm 2010 theo Luật Doanh nghiệp 2005 và Luật Chứng khoán.
- Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh tiền thân là CTCP Đầu tư Xây dựng Thương Mai Trung Việt. Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101448493 (chuyển từ số: 0103003639) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/02/2004 và thay đổi lần thứ 07 ngày 04/08/2010.
- Công ty cổ phần phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.
- Quá trình hoạt động kinh doanh của công ty phát triển và lớn mạnh thêm một bước, qua việc triển khai thực hiện dự án đầu tư, và xây dựng nhà máy sản xuất gạch Tuynel Trung Việt – Hoàng Tân tại tỉnh Hải Dương vào tháng 9/2004. Và để đáp ứng cho việc giao dịch của mình, tháng 3/2005 Công ty đã thành lập Chi nhánh đặt tại thôn Đại Bát, xã Hoàng Tân, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Quá trình tăng giảm vốn điều lệ:

Thời gian	VĐL ban đầu (VND)	VĐL tăng thêm	Phương thức	Căn cứ thực hiện
31/05/2004	3.000.000.000	2.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu.	NQ Đại hội đồng cổ đông năm 2004
20/09/2004	5.000.000.000	7.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư chiến lược.	NQ Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2004
18/05/2009	12.000.000.000	2.200.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu.	NQ Đại hội đồng cổ đông năm 2009
21/07/2010	14.200.000.000	8.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và CBCNV.	NQ Đại hội đồng cổ đông năm 2010

1. Đợt 1: Phát hành tăng vốn điều lệ lên 5 tỷ đồng

Căn cứ Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2004 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trung Việt (nay là Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh) ngày 01/04/2004.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 3.000 cổ phần (*Bằng chữ: Ba nghìn cổ phần*)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 3.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ đồng*)
- Mục đích phát hành: tăng vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 05/04/2004
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 1 : 1
- Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phần
- Kết quả phát hành:
 - Số lượng cổ phần phát hành: 2.000 cổ phần (*Bằng chữ: Hai nghìn cổ phần*) chiếm 66,67% tổng số cổ phiếu phát hành dự kiến
 - Tổng số tiền thu được: 2.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ đồng*)
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 20/05/2004
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: **5.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ đồng*)

2. Đợt 2: Phát hành tăng vốn điều lệ lên 12 tỷ đồng

Căn cứ Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2004 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trung Việt (nay là Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh) ngày 04/08/2004.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 7.000 cổ phần (*Bằng chữ: Bảy nghìn cổ phần*)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 7.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ đồng*)
- Mục đích phát hành: quyết định đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy gạch Tuynel Trung Việt – Hoàng Tân.
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 10/08/2004

Trong đó:

❖ Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

- Số lượng cổ phần phát hành: 3.000 cổ phần (*Bằng chữ: Ba nghìn cổ phần*)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 3.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ đồng*)
- Tỷ lệ: 10 : 6
- Giá phát hành: 1.000.000 đồng/ cổ phần
- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu của Công ty tại ngày chốt Danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ

❖ **Phát hành cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược.**

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần phát hành: 4.000 cổ phần (*Bằng chữ: Bốn nghìn cổ phần*)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 4.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ đồng*)
- Giá phát hành: 1.000.000 đồng/ cổ phần
- Đối tượng phát hành: Là các thể nhân hoặc pháp nhân đã, đang và sẽ có đóng góp lớn vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 10/09/2004
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: **12.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng*)

3. Đợt 3: Phát hành tăng vốn điều lệ lên 14,2 tỷ đồng

Căn cứ Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trung Việt (nay là Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh) ngày 28/03/2009.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 2.400 cổ phần (*Bằng chữ: Hai nghìn bốn trăm cổ phần*)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 2.400.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm triệu đồng*)
- Mục đích phát hành: Tăng vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 01/04/2009
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 100 : 20

- Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phần
- Kết quả phát hành:
 - Số lượng cổ phần phát hành: 2.200 cổ phần (*Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm cổ phần*) chiếm 91,67% tổng số cổ phiếu phát hành dự kiến
 - Tổng số tiền thu được: 2.200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm triệu đồng*)
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 10/05/2009
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: **14.200.000.000** đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ, hai trăm triệu đồng*)

4. Đợt 4: Phát hành tăng vốn điều lệ lên 22,2 tỷ đồng

Căn cứ Biên bản họp và Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trung Việt (nay là Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh) ngày 10/05/2010.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 800.000 cổ phần (*Bằng chữ: Tám trăm nghìn cổ phần*)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 8.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ đồng*)
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn (lưu động) cho Công ty để phát triển sản xuất kinh doanh và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 15/05/2010

Trong đó:

❖ Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần phát hành: 795.200 cổ phần (*Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm cổ phần*)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 7.952.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu đồng*)
- Tỷ lệ: 25 : 14
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ

❖ **Phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động.**

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần phát hành: 4.800 cổ phần (*Bằng chữ: Bốn nghìn tám trăm cổ phần*)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 48.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng*)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Đối tượng phát hành: CBCNV có thành tích suất sắc trong lao động và cố thâm niên công tác từ 02 năm trở lên
- Hình thức phát hành: Phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động

Kết quả phát hành:

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 800.000 cổ phần (*Bằng chữ: Tám trăm nghìn cổ phần*) chiếm 100% tổng số cổ phiếu phát hành dự kiến
- Tổng số tiền thu được: 8.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ đồng*)
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 10/07/2010.
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: **22.200.000.000** đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, hai trăm triệu đồng*).

 **Niêm yết:**

Ngày 13/12/2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh đã chính thức giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã MCL. Số lượng cổ phần niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là 2,220,000 cổ phần, tương đương trị giá là 22.200.000.000 đồng. Giá đóng cửa trong ngày giao dịch đầu tiên là 20.400 đồng/cổ phiếu.

 **Thay đổi trụ sở chính:**

- Từ ngày 31/03/2011 CTCP Phát triển nhà và Sản xuất vật liệu xây dựng Chí Linh thay đổi trụ sở giao dịch cụ thể như sau:
- Trụ sở giao dịch trước khi chuyển: Số 10 Ngách 26 Ngõ 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trụ sở giao dịch mới: Tầng 2 Trung tâm Kỹ Thuật Đa ngành số 164 Khuất Duy Tiên, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Việc liên lạc vẫn theo các số giao dịch cũ, cụ thể:

- Điện thoại: 04.2210.2901
- Fax: 04.3554.4639
- Website: www.mcl.com.vn

1.2. Quá trình phát triển

✚ Ngành nghề kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101448496 (chuyển từ số:0103003639) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/02/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 04/08/2010.

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, đường dây và trạm điện đến 35KV;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Buôn bán vật liệu xây dựng, vật liệu, thiết bị điện, nước, điện máy;
- Sửa chữa, gia công, chế tạo, buôn bán và cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông vận tải;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ, máy móc cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô theo các loại hình sau:
 - o Vận tải khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
 - o Vận tải khách bằng taxi, xe buýt;
 - o Vận tải khách du lịch;
 - o Vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải bằng đường thủy nội địa theo hợp đồng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống.

✚ Tình hình hoạt động:

- Đến nay, Công ty đã có hơn 06 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, thương mại và một số lĩnh vực khác. Công ty có khả năng xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ

tầng, giao thông, điện hạ thế dưới 35KV, thủy lợi. Công ty có đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn có kinh nghiệm, đã từng quản lý chỉ đạo trực tiếp nhiều công trình, trong đó có cả công trình nhóm A, điển hình như Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh phúc hoàn thành bàn giao năm 2000. Công ty có lực lượng thợ bậc cao đủ các chuyên ngành, cũng như luôn tuyển dụng đầy đủ lực lượng thợ trẻ được đào tạo chính quy nhằm tạo ra lực lượng nòng cốt kế cận. Công ty có đủ trang thiết bị thi công xây lắp cần thiết. Đồng thời luôn có sẵn các đối tác để thuê các thiết bị chuyên dùng đáp ứng mọi yêu cầu kỹ thuật thi công.

- Trong thời gian gần đây Công ty đã bàn giao một số công trình, được chủ đầu tư đánh giá cao như : Văn phòng giao dịch Công ty In khoa học kỹ thuật, trụ sở Công ty cổ phần cơ khí vận tải ô tô số 2, Nhà máy gạch Tuynel Cường Thịnh....Sắp tới Công ty sẽ triển khai một số dự án như: tham gia đầu tư thứ cấp Dự án Bất động sản với Công ty Tây Bắc dự án Khu Dân cư-Chợ dịch vụ và thương mại; Tổng thầu thi công công trình dân dụng cao tầng...
- Để thực hiện các dự án và công trình trên cần phải có kênh huy động vốn chính thống và minh bạch. Đòi hỏi Công ty phải chuyển mình một cách toàn diện, đổi mới cơ cấu cổ đông, vì vậy vào tháng 7/2010 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 14,2 tỷ đồng lên 22,2 tỷ đồng cho phù hợp với diễn biến mới hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3. Định hướng phát triển

 **Một số chỉ tiêu dự kiến về kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty từ 2010 - 2012

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện 2010	Năm 2011		Năm 2012	
			Giá trị	+/- so với năm 2010	Giá trị	+/- so với năm 2011
Vốn CSH						
Vốn điều lệ	22.200	22.200	35.000	57,65%	55.000	57,14%
Doanh thu thuần	43.000	22.981	68.000	58,14%	107.000	57,35%
LNST	6.615	714	10.282	55,43%	29.272	184,7%
LNST/DTT	15,38%	3,11%	15,12%		27,36%	
LNST/VCSH						
Tỷ lệ cổ tức	19%	-	19%		30%	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh)

✚ Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Công ty xây dựng kế hoạch với một dự đoán về việc doanh thu lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm dựa trên năng lực, thế mạnh và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh cùng với những nhận định về khả năng tăng trưởng của thị trường trong các năm tiếp theo, cụ thể:

Căn cứ để đạt được kế hoạch năm 2011:

- Dựa trên tổng giá trị các Hợp đồng lớn đã ký kết tính đến hết thời điểm 30/06/2010 là **34.134,51** tỷ đồng và các hợp đồng nhỏ khác, Công ty tin tưởng có thể hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Năm 2010 công ty đã lập kế hoạch cho từng mảng kinh doanh như sau:

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Tên thị trường	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
1	Sản xuất VLXD	12.000	3.000
2	Thi công xây lắp	9.000	720
3	Thương mại	2.000	100
4	Đầu tư	20.000	5.000
	Cộng	43.000	8.820

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh

Tuy nhiên biến động vĩ mô vào nửa cuối của năm phức tạp, giá nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất và xây dựng công trình đều leo thang khiến nhiều hợp đồng tạm thời còn đình trệ, chi phí sản xuất tăng cao. Nửa đầu năm 2011 giá cả các mặt hàng thiết yếu tăng trên diện rộng một lần nữa đẩy công ty vào khó khăn, tuy nhiên tin tưởng vào chiến lược đã đề ra cũng như các hợp đồng ký kết sẽ hướng tới hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Để tiếp tục duy trì mức tăng trưởng như các năm vừa qua, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào việc mở rộng các đối tượng khách hàng tiêu thụ trong lĩnh vực kinh doanh phân phối vật liệu xây dựng, như ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nhà phân phối tuyến dưới, tìm kiếm và ký kết hợp đồng tiêu thụ với các khách hàng lớn, tiếp tục thực hiện kênh phân phối cho các công trình Công ty tham gia thi công dựa trên mối quan hệ làm ăn bạn hàng. Trong hoạt động thi công xây lắp, Công ty sẽ tập trung vào việc giữ vững năng lực thi công công trình và năng lực cạnh tranh thông qua hoạt động nghiên cứu và áp dụng các phương pháp thi công tiên tiến, sử dụng máy móc hiện đại vào thi công.

▪ Bên cạnh đó, những yếu tố nội tại từ doanh nghiệp thì các nhân tố kinh tế vĩ mô cũng là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch doanh thu lợi nhuận của Công ty. Nền kinh tế Việt Nam và thế giới đang dần vượt qua khủng hoảng và được dự đoán sẽ tăng trưởng mạnh trở lại trong những năm tới. Do đó, nhu cầu xây dựng dân dụng có tiềm năng phát triển mạnh trong những năm sắp tới. Đây là cơ hội thúc đẩy sự phát triển ngành vật liệu xây dựng cũng như lĩnh vực sản xuất sơn, bột trét...

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hiện nay trên cả nước có khá nhiều công ty ra đời trước và cung cấp cùng loại sản phẩm về vật liệu xây dựng và dịch vụ thi công xây lắp, do đó Công ty phải chịu sự cạnh tranh trên thương trường là rất quyết liệt. Để giữ được thị phần hiện có và đẩy mạnh tăng thị phần trong các năm tiếp theo Công ty đã xác định hướng đi là xây dựng văn hoá trong sản xuất kinh doanh của Công ty: luôn lấy chất lượng sản phẩm với giá cả cạnh tranh là sự tồn tại và phát triển của Công ty, luôn đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, nâng cao công tác bán hàng và chăm sóc, hậu mãi sau bán hàng chu đáo tận tình.

Bên cạnh việc củng cố và phát triển các mảng hoạt động truyền thống là sản xuất vật liệu xây dựng và thi công xây lắp, Công ty đang hướng đến việc tham gia đầu tư vào lĩnh vực bất động sản với vai trò của nhà thầu thi công công trình và góp vốn tham gia đầu tư ngay từ đầu. Song song với đó là thực hiện việc nghiên cứu và đưa vào sản xuất gạch không nung, thân thiện với môi trường. Nhằm mục đích tận thu triệt để các loại chất phế thải rắn của nhà máy, và phế thải rắn của các cơ sở khác sử dụng làm nguyên liệu. Đây chính là định hướng chiến lược lâu dài mà Công ty đang hướng tới. Đồng thời phù hợp với chính sách nhà nước, và xu thế chung của thế giới, về tiết kiệm nhiên liệu và giảm tối đa các chất thải ra môi trường.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Kinh tế thế giới năm 2010 mặc dù đang phục hồi sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và có những chuyển biến tích cực, song nhìn chung chưa thực sự ổn định và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế nước ta. Tuy nhiên với quyết tâm cao của cả nước, Việt Nam được đánh giá là một trong những nước sớm vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi nhanh sau khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 ước tính tăng 6,78% so với năm 2009, trong đó quý I tăng 5,84%; quý II tăng 6,44%; quý III tăng 7,18% và quý IV tăng 7,34%. Đây là mức tăng khá cao so với mức tăng 6,31% của năm 2008 và cao hơn hẳn mức 5,32% của năm 2009, vượt mục tiêu đề ra 6,5%. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010, con số này ước tăng 14% so năm trước và cao hơn kế hoạch năm (12%). Giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm, thủy sản cả năm 2010 ước tăng 4,69% so năm trước, trong đó nông nghiệp tăng 4,24%, lâm nghiệp tăng 4,6%, thủy sản tăng 6,05%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính chung cả năm 2010 ước đạt hơn 1.561,6 nghìn tỷ đồng, tăng 24,5% so với năm 2009. Thu ngân sách Nhà nước tính từ đầu năm đến ngày 15/12 ước đạt 504,4 nghìn tỷ đồng, bằng 109,3% dự toán năm.

Bên cạnh những thành tựu chung thì nhìn lại năm 2010, nền kinh tế cũng bộc lộ nhiều vấn đề. Kinh tế vĩ mô vẫn thiếu nền tảng vững chắc, chất lượng tăng trưởng thấp, tiềm ẩn không ít bất trắc, nếu không sớm khắc phục có thể ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định trong những năm tiếp theo. Quốc hội đặt chỉ tiêu lạm phát 2010 dự kiến ở mức 7-7,5%. Sau 6 tháng, trước tình hình giá thế giới biến động, giá cả đầu vào nhiều loại nguyên liệu tăng bất thường, mức lạm phát được điều chỉnh lên 8,5%/năm. Tuy nhiên, diễn biến 3 tháng cuối, nhất là tháng 11 đã khiến tất cả các cơ quan điều hành phải bất ngờ, khi mới chỉ 11 tháng, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã lên tới 9,58%. Lạm phát tháng cuối năm của hai thành phố lớn là (Hà Nội và TP.HCM) lần lượt là 1,83% và 1,61%. Lạm phát năm 2010 tới 11,75%. Như vậy, trong vòng bốn năm qua, có tới ba năm lạm phát ở mức hai con số (năm 2007 là 12,63%; năm 2008 là 22,97%). Việc CPI năm 2010 lên hai con số tạo nên bão giá, khiến doanh nghiệp và người dân đều gặp khó khăn.

Năm 2010 cũng là năm đầy biến động với việc bùng nổ cơn sốt lãi suất huy động với việc chạy đua tăng lãi suất của các ngân hàng, mặc dù đã được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh, xử lý nhưng cũng cho thấy vấn đề quản lý vẫn còn chậm, chưa chủ động trong việc dự đoán tình hình để chỉ đạo. Năm 2010 cũng là năm thị trường vàng có những cơn sốt kinh ngạc. Mặc dù tỷ suất lợi nhuận đầu tư vào vàng năm qua đạt khoảng 38%. Tuy nhiên, điều này về tổng thể không có lợi cho nền kinh tế, bởi nó không những không tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, nó còn góp phần làm méo mó dây chuyền sang các thị trường khác như USD, nhà đất và chứng khoán.

Theo đúng định hướng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010, công ty tiếp tục tập trung phát triển các sản phẩm thế mạnh. Đặc biệt trong năm công ty đã hoàn thành kế hoạch tăng vốn lên 22,2 tỷ dưới hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn. Đảm bảo đoàn kết và gắn bó của cán bộ công nhân viên. Đây chính là đội ngũ nòng cốt sẽ đảm bảo cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh. Ngày 13/12/2010 cổ phiếu của công ty với mã giao dịch MCL đã chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là bước đi quan trọng nằm trong chiến lược dài hạn của doanh nghiệp tiến tới trở thành nhà sản xuất vật liệu, xây dựng công trình có uy tín – chất lượng hàng đầu.

2.2. Tình hình thực hiện năm 2010 so với kế hoạch.

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Thực hiện/kế hoạch	So với năm 2009
Doanh thu thuần (Triệu VNĐ)	10.197	43.000	22.981	53,44%	125,37%
Vốn chủ sở hữu (Triệu VNĐ)	17.184	25.898	25.898	100,00%	50,71%
Lợi nhuận sau thuế (Triệu VNĐ)	1.676	6.615	714	10,79%	-57,40%
Tỷ lệ LNST/DTT (%)	16,44%	15,38%	3,11%	20,20%	-81,10%
Tỷ lệ LNST/VCSH (%)	9,75%	25,54%	2,76%	10,79%	-71,73%

Doanh thu năm 2010 đạt 53.44% so với kế hoạch và tăng 125.37% so với năm 2009, lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt 10.79% so với kế hoạch và tăng 20.20% so với năm 2009 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu tăng trưởng mạnh so với năm 2009 là do: Quá trình mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty. Doanh thu từ lĩnh vực xây dựng trong năm tăng mạnh, điều này nằm trong chiến lược phát triển trong những năm tới. Tiếp tục phát triển những mặt hàng lợi thế và mở rộng sang lĩnh vực thi công công trình.
- Tuy nhiên lợi nhuận của doanh nghiệp tăng không như kỳ vọng và không tương xứng với mức tăng của doanh thu: do giá vốn hàng bán tăng mạnh so với năm 2009: năm 2010 chiếm 73.11% so với doanh thu thuần trong khi năm 2009 chỉ chiếm 82.25% so với doanh thu thuần. Sự gia tăng của giá vốn là do: sự gia tăng trong chi phí nguyên vật liệu, vận chuyển và chi phí sản trực tiếp sản xuất như: lương, điện... Bên cạnh đó, Việc tăng vốn của công ty hoàn thành vào tháng 05/2010 khi đã đi được nửa chặng đường của năm tài chính 2011 do đó hiệu quả của đồng vốn mang lại chưa cao.

2.3. Triển vọng và kế hoạch kinh doanh năm 2011.

2.3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011 (đồng)
Vốn điều lệ	35.000.000.000
Doanh thu bán hàng hóa	68.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	10.282.000.000
Tỷ lệ lợi nhuận/vốn điều lệ	15,12%
Tỷ lệ cổ tức	19%

2.3.2. Thuận lợi và khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Thuận lợi:

- Sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế sau khủng hoảng đã tác động tích cực đến lĩnh vực bất động sản, điều này đã mở ra cơ hội lớn cho ngành xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng nói chung và Công ty nói riêng
- Trong lĩnh vực sản xuất VLXD Công ty vừa là đối tác liên doanh liên kết vừa là nhà cung cấp vật liệu xây dựng ổn định và lâu dài của các đối tác trong nhiều năm qua như Công ty CP Xây dựng Số 2 - Vinaconex; Công ty CP Đầu tư và Phát triển xây dựng 1 Hà Nội; Chi nhánh Công ty CP Simco Sông Đà – XN Simco Sông Đà, Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng; Công ty CP Metroco Sông Hồng; Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm và lặn Thăng Long ... chính điều đó có thể khẳng định Công ty đã tạo được uy tín và thương hiệu trong ngành.
- Vị trí Công ty đặt gần nguồn nguyên liệu lớn, chất lượng nguồn nguyên liệu tốt và luôn luôn ổn định, điều này giúp Công ty không bị động trong vấn đề thu mua nguyên liệu đất sét dùng cho sản xuất.
- Nhiên liệu chính là than. Từ nhà máy tới vùng mỏ là gần 30km.
- Công ty có mạng lưới tiêu thụ rộng khắp, sản phẩm sản xuất ra bao nhiêu tiêu thụ hết bấy nhiêu đây là một thuận lợi rất lớn giúp Công ty luôn luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra.
- Công ty có đội ngũ cán bộ khoa học, các chuyên gia, kỹ sư có tuổi đời và tuổi nghề cao với trên 20 năm kinh nghiệm, luôn theo sát diu đất, giúp đỡ những cán bộ trẻ tiến bộ. Đó là sự kết hợp hài hoà giữa các thế hệ tạo thành một tập thể mạnh, đoàn kết nhất trí cao trong các lĩnh vực hoạt động của mình.
- Ban Lãnh đạo Công ty là lực lượng trẻ, năng động, nhạy bén và có tầm nhìn

chiến lược, luôn chủ động đề ra các biện pháp tháo gỡ khó khăn, đổi mới trong hoạt động sản xuất, mở rộng ngành nghề kinh.

- Theo quy hoạch của tỉnh Hải Dương, thị xã Chí Linh là một vùng trọng điểm của sản xuất vật liệu xây dựng.

Khó khăn:

- Sự xuất hiện rất nhiều nhà máy sản xuất gạch Tuynel trong cùng một khu vực Hải Dương và các khu vực phụ cận, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu cùng một thị trường là các tỉnh Miền Bắc khiến mức độ cạnh tranh giữa các đơn vị ngày càng trở nên quyết liệt. Đây là một áp lực lớn đối với Ban lãnh đạo Công ty.
- Thói quen sử dụng gạch thủ công từ xưa đến nay của đa số người tiêu dùng và giá thành sản xuất gạch thủ công khá rẻ so với gạch Tuynel đã làm Công ty gặp không ít khó khăn trong kinh doanh, mở rộng thị trường.
- Diễn biến thị trường nguyên vật liệu trong năm qua biến động tương đối phức tạp. Do ảnh hưởng của thị trường thế giới, giá nhiều loại vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào thường xuyên thay đổi theo chiều hướng khó lường (như giá xăng dầu, sắt thép, xi măng,...).
- Thiếu hụt về vốn trong sản xuất kinh doanh do không tiếp cận được các khoản vốn vay với chi phí thấp.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên kế cận còn trẻ do đó trình độ, nghiệp vụ còn non nên cần phải học hỏi thêm nhiều về kinh nghiệm thực tế.
- Công ty mới đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tuynel, đây cũng là một trong những lĩnh vực mới, do đó còn nhiều bỡ ngỡ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

2.3.3. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2011:

- Sản xuất kinh doanh:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm của các mặt hàng chủ lực: Các sản phẩm gạch, ngói Tuynel các loại: Nâng cấp hệ thống dây chuyền sản xuất với việc đầu tư mua mới các máy móc thiết bị hiện đại. Hiện đại hóa quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng tại các nhà xưởng để đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục phát triển mạng lưới sản phẩm tại Miền Bắc: Tiếp tục thực hiện chiến lược marketing về thương hiệu để thâm nhập thị trường, phát triển việc sản xuất mặt hàng này tại các tỉnh miền Bắc vốn là bạn hàng quen thuộc nhằm giảm chi phí cho sản phẩm khi thâm nhập.
- Tại khu vực Miền Nam và Miền Trung là nơi doanh nghiệp đã có vị thế nhất định tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp sản phẩm và bảo hành sản phẩm để

giữ vững lượng khách hàng hiện có và mở rộng mạng lưới sản phẩm để cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của doanh nghiệp khác.

- Công tác quản lý nguồn nhân lực:

- Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong môi trường cạnh tranh, bộ máy quản lý và điều hành của Công ty phải quán triệt nguyên tắc gọn nhẹ; đội ngũ cán bộ, nhân viên phải chuyên nghiệp, làm việc phải có hiệu quả và đạt chất lượng phục vụ cao. Với định hướng này, HĐQT Công ty đã xem xét kỹ lưỡng việc xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự. Lựa chọn và bổ nhiệm các vị trí quản lý chủ chốt của Công ty nhằm tạo điều kiện cho Công ty triển khai thuận lợi các hoạt động nghiệp vụ, có đủ khả năng và tư cách tiếp xúc đàm phán với các đối tác và khách hàng chiến lược. Duy trì các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ công nhân viên để thu hút nguồn nhân lực tài năng, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp.
- Với tổng số cán bộ quản lý và nhân viên hiện có 152 người, được phân bổ hợp lý tại văn phòng, các chi nhánh và nhà máy giúp Công ty triển khai tốt các nhiệm vụ kinh doanh và dịch vụ theo đúng chương trình kế hoạch. Tất cả đều có ý thức trách nhiệm trong công việc, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3.1. Báo cáo tình hình tài chính

3.1.1. Các hệ số tài chính

Chỉ Tiêu	2010
Khả năng thanh toán	
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH) (lần)	1,73
Hệ số thanh toán nhanh [(TSNH-HTK)/NNH] (lần)	1,29
Hiệu quả sử dụng tài sản	
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân trong kỳ) (lần)	3,40
Kỳ thu tiền bình quân [365/(DTT/các khoản phải thu bình quân trong kỳ)] (ngày)	113,77
Hệ số vòng quay khoản phải thu (DTT/các khoản phải thu bình quân trong kỳ) (lần)	3,21
Hiệu quả sử dụng tài sản cố định (DTT/TSCĐ bình quân trong kỳ) (lần)	0,95
Vòng quay toàn bộ tài sản (DTT/TTS bình quân trong kỳ) (lần)	0,30

Cơ cấu nguồn vốn	
Hệ số nợ - Tổng nợ/TTS (%)	40,01%
Nợ ngắn hạn/Tổng nợ (%)	59,25%
Nợ dài hạn/Tổng nợ (%)	40,75%
Tổng nợ/VCSH (lần)	66,68%
Hệ số nợ dài hạn trên VCSH (NDH/TTS) (%)	16,30%
Hệ số nợ dài hạn trên TTS (NDH/VCSH) (%)	27,17%
Hiệu quả hoạt động kinh doanh	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần – ROS (LNST/DTT) (%)	3,11%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản – ROA (LNST/TTS bình quân) (%)	0,93%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu – ROE (LNST/VCSH bình quân) (%)	3,32%
Lợi nhuận từ HĐKD/DTT (%)	4,62%

3.1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

Tài sản (VNĐ)	31/12/2010	Nguồn vốn (VNĐ)	31/12/2010
I.Tài sản ngắn hạn	17.711.857.979	I.Nợ ngắn hạn	10.232.335.733
II.Tài sản dài hạn	25.456.176.747	II.Nợ dài hạn	7.037.579.401
Tổng cộng	43.168.034.726	Tổng cộng	17.269.915.134

3.1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông:

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2010/MCL/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2010, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 25:14. Chào bán 4.800 cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động để tăng vốn điều lệ.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/12/2010:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 2.220.000 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 2.220.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: 2.220.000 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

- Công ty không phát hành loại trái phiếu nào.

3.1.4. Cổ tức năm 2010:

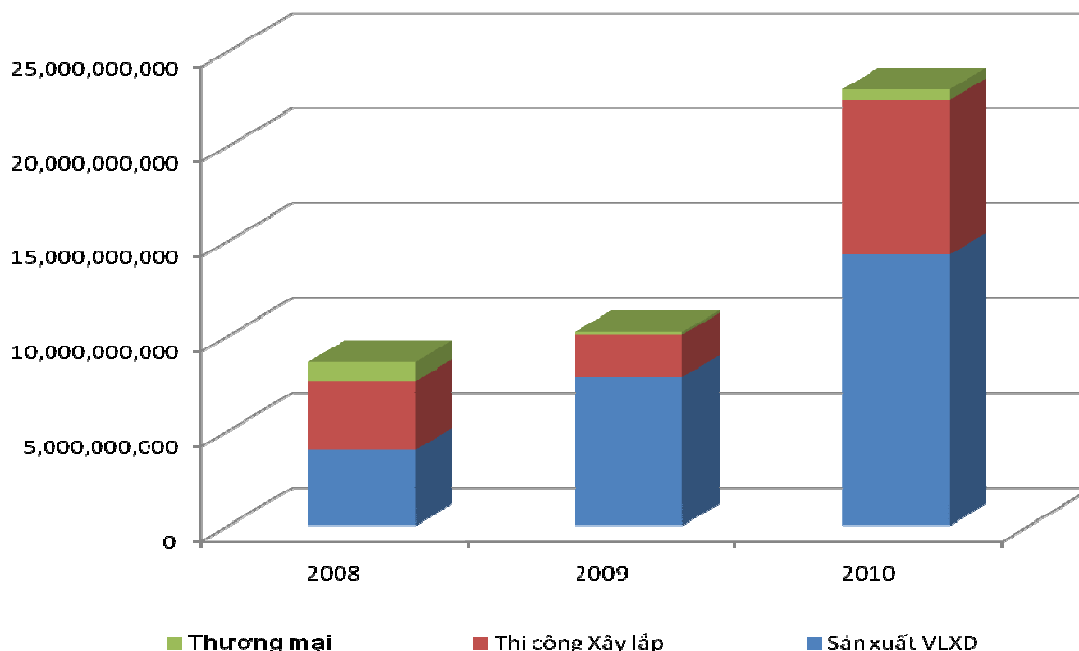
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã biểu quyết thông qua việc giữ lại toàn bộ lợi nhuận năm 2009 để mở rộng sản xuất kinh doanh. Đại hội cũng nhất thông qua phương án trả cổ tức năm 2010: 19%.

3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3.2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sản phẩm /Dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		Quý II/2010	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Sản xuất VLXD	3.969.958.255	46,16	7.815.699.151	76,65	14.258.745.114	62,04
Thi công Xây lắp	3.622.899.101	42,12	2.240.807.424	21,98	8.154.545.455	35,48
Thương mại	1.007.546.198	11,72	140.237.850	1,37	567.520.631	2,48
Tổng số	8.600.403.554	100	10.196.744.425	100	22.980.811.200	100

Biểu đồ cơ cấu doanh thu



Trong năm 2010, cơ cấu doanh thu của Công ty biến động theo hướng tăng dần tỷ trọng vào Thi công Xây lắp. Khác với năm 2009 khi sản xuất vật liệu xây tăng đột biến trở thành thế mạnh thực sự của công ty. Doanh thu của công ty trong năm tăng mạnh, tốc

độ tăng gấp 1,5 lần tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu cho thấy hoạt động kinh doanh đang đi đúng hướng.

Gạch Tuynel Trung Việt - Hoàng Tân sử dụng là công nghệ tiên tiến đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới và Việt Nam hiện nay: Chế biến tạo hình dẻo, hong phơi tự nhiên trong nhà phơi có mái che, sấy nung liên hợp trong lò nung Tuynel. Để đáp ứng được tiêu chí về chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh Công ty đã mạnh dạn đầu tư mới đồng bộ nhà máy có công suất 20 triệu sản phẩm QTC/năm. Nâng công suất 30 triệu sản phẩm QTC/năm.

Đối với hoạt động dịch vụ, thu nhập qua các năm không ổn định. Chiếm tỷ trọng 2,48% tổng doanh thu. So với 62,04% của Sản xuất vật liệu và 35,48% của thi công xây lắp thì tương đối nhỏ. Doanh nghiệp hơn 50% kế hoạch đề ra trong năm tài khóa 2010.

3.2.2. Nguyên vật liệu và chi phí sản xuất

Với hoạt động chính của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng và thi công xây lắp thì nguồn nguyên vật liệu chủ yếu phục vụ cho các mảng này là đất sét, than, điện, xi măng, sắt thép, cát, đá ... và được nhập chủ yếu của các nhà cung cấp sau:

Danh mục các nhà cung cấp nguyên vật liệu

Stt	Nhà cung cấp	Nguyên liệu cung cấp
I	Sản xuất VLXD	
1	Công ty cổ phần Vận tải và Xây dựng Đại Phong	Cung cấp đất sét
2	Công ty TNHH Hoàn Cường	Cung cấp than cám
3	Công ty TNHH một thành viên Chiến Công	Cung cấp đất sét
4	Chi nhánh công ty CPMK và Thiết bị áp lực VVM I – Than Hà Nội	Cung cấp than cám
5	UBND xã Hoàng Tân	Cung cấp đất sét
6	Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Dương	Cung cấp điện
7	Nhà hàng Thành Quân 99 Công ty TNHH Vận Tải Việt Thanh	Cung cấp dầu
II	Thi công Xây lắp	

1	Công ty TNHH SX và TM Lương Duy	Cung cấp tấm lợp lấy sáng sợi thủy tinh
2	Công ty TNHH TSD – Nam Linh	Cung cấp thép
3	Doanh nghiệp tư nhân Việt Linh	Thép lập lá, U60-80, thép góc
4	Công ty TNHH THương mại và Xây lắp điện Hưng Hải	Hệ thống điện chiếu sáng sân phơi gạch mộc, tủ điện nghiền than, ...

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh

○ **Sự ổn định của các nguồn cung cấp:**

Nguyên liệu chính để sản xuất gạch nung là đất sét, than cám và điện. Sản lượng của các loại nguyên liệu này đang ngày càng ít dần, điều đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay các loại nguyên liệu này đang được bán rộng rãi trên thị trường và có nhiều đối tác chào bán với giá cạnh tranh.

Nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp của Công ty chủ yếu là xi măng, sắt thép, cát, đá và các chất phụ gia. Giá cả của các loại nguyên vật liệu này luôn biến động thất thường, đặc biệt là vào thời điểm hoạt động thi công xây lắp rơi vào mùa vụ.

Để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định và đảm bảo tính liên tục cũng như hạn chế được rủi ro về biến động giá trên thị trường do tình trạng khan hiếm nguồn nguyên vật liệu. Công ty đã luôn chủ động có kế hoạch ký hợp đồng với các nhà cung cấp đủ khả năng cung cấp nguyên vật liệu với khối lượng và chất lượng theo yêu cầu và giá cả cạnh tranh nhất. Bên cạnh đó, bao giờ Công ty cũng luôn tìm kiếm thêm những đối tác mới cung cấp những nguyên vật liệu tương ứng để có hướng dự phòng và có hình thức chuyển đổi hướng sử dụng phù hợp.

○ **Ảnh hưởng của sự biến động giá nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:**

Chi phí nguyên liệu phục vụ cho việc sản xuất gạch nung chiếm từ 23% – 25% trong cơ cấu giá thành sản xuất của Công ty, trong đó chi phí đất sét chiếm 18%, than cám chiếm 57%, điện chiếm 24% còn lại là chất phụ gia.

Đối với hoạt động thi công xây lắp, trong cơ cấu giá thành sản phẩm của Công ty, chi phí nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động này chiếm tỷ trọng rất lớn, cụ thể (Đối với công trình dân dụng khung BTCT bình thường) thì xi măng chiếm 8%, sắt thép chiếm 22%, cát chiếm 2.5%, sỏi đá chiếm 2.5%, gạch xây chiếm 8.35% còn lại là các vật liệu hoàn thiện khác như gạch ốp lát, vật liệu điện, thiết bị vệ sinh, sơn thủy... và các chất phụ gia khác. Do đó, những biến động của giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chủ động trong việc nghiên cứu và nắm bắt kịp thời sự biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường, từ đó lên kế hoạch nhập hàng và dự trữ nguồn nguyên vật liệu trong những thời điểm thuận lợi để đảm bảo sự liên tục của hoạt động sản xuất kinh doanh và mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

Các loại nguyên vật liệu phụ gia chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá thành sản xuất nên sự biến động về giá không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của Công ty. Hơn nữa, do sự phong phú của nguồn nguyên vật liệu này trên thị trường, Công ty luôn tìm được nguồn cung cấp với giá cả cạnh tranh

Sự biến động giá cả một số nguyên liệu chính

Stt	Nguyên liệu	Đơn vị	2008	2009	2010
1	Đất sét	đồng/m ³	22.700	35.000	38.000
2	Than cám	đồng/kg	750	963	1152
3	Điện	đồng/Kw/h	1.058	1.133	1289

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh

Cơ cấu chi phí sản xuất của doanh nghiệp trong năm 2010

Chi phí	2009		2010	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
GVHB	5.496.516.530	53,90%	18.901.430.146	82,25%
Chi phí Bán hàng	844.281.642	8,28%	955.399.279	4,16%
Chi phí QLDN	542.765.462	5,32%	977.895.912	4,26%
Chi phí Tài chính	1.076.369.701	10,56%	1.084.905.501	4,72%
TỔNG	7.959.933.335	78,06%	21.919.630.838	95,38%
Doanh thu thuần	10.196.744.425		22.980.811.200	

Do đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất so với các khoản mục chi phí khác, với tỷ trọng bình quân khoảng 58% so với doanh thu thuần. Trong năm 2010, mặc dù doanh thu thuần tăng mạnh do quá trình đẩy mạnh tăng quy mô sản xuất. Nhưng 6 tháng cuối năm 2010 là thời điểm giá cả biến động phức tạp, chi phí đầu vào không thể kiểm soát trên toàn bộ nên kinh tế. Đó là nguyên nhân chính khiến Giá vốn hàng bán chiếm tới 82,25% doanh thu. Trong đó chi phí nguyên vật liệu sản xuất chiếm tới 60%, điện và than là 2 yếu tố chiếm hơn 70% chi phí trong quá trình sản xuất gạch ngói Tuynel. Giá năng lượng tăng cao do thiếu hụt trong nước ngày càng lớn gây ra chi phí tăng nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu. Trong hoạt động xây lắp giá vốn chiếm tới 88% doanh thu mang về.

Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp năm Năm 2010 chiếm tỷ trọng thấp, quá trình mở rộng kinh doanh chưa tác động nhiều tới chi phí quản lý của doanh nghiệp nhưng lại có tác dụng cực kỳ lớn đối với khả năng tài chính. Lợi thế vốn sẵn có cho sản xuất kinh doanh sẽ giúp công ty chủ động hơn trong các hoạt động của mình.

Nhìn chung hoạt động kiểm soát của công ty trong năm còn nhiều thiếu sót, tổng chi phí chiếm tới 95,38% doanh thu. Việc không lường trước được lạm phát leo thang và đặc thù nguyên vật liệu cho sản xuất của công ty khó dự trữ đã khiến lợi nhuận thu được chưa cao.

3.2.3. Lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 Công ty đạt 714.194.403 đồng, không đạt được lợi nhuận đề ra theo kế hoạch đầu năm. Lợi nhuận năm sau thấp hơn năm trước sau khi tiến hành tăng vốn càng khiến các chỉ số hoạt động xấu hơn. Tuy vậy việc duy trì làm ăn có lãi trong thời điểm cực kỳ khó khăn đã là một điều đáng ghi nhận. Trên cơ sở doanh thu tiếp tục tăng trưởng, kiểm soát được giá vốn và các chi phí trong những năm tới lợi nhuận công ty sẽ tăng cao. Trong tương lai doanh nghiệp tiếp tục theo đuổi mục tiêu đã đề ra khi quá trình mở rộng kinh doanh đã trọn trù. Tăng được vốn trong năm 2010 sẽ là lợi thế rất lớn của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	2009	2010	So với năm trước (%)
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	1.676.293.616	714.194.403	-57,39%
Tỷ suất LNST/TTS (%)	4,93%	1,65%	-66,42%
Tỷ suất LNST/DT thuần (%)	16,44%	3,11%	-81,10%
Tỷ suất LNST/VCSH (%)	4,93%	2,76%	-44,03%

3.3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

- Xây dựng hệ thống quản lý, cơ cấu tổ chức theo mô hình công ty cổ phần gọn nhẹ và hiệu quả;
- Ban hành các quy chế, nội quy lao động đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty;
- Đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ công nhân viên về trình độ ngoại ngữ, trình độ chuyên môn;

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

4.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.711.857.979	9.313.993.383
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		537.399.212	266.129.950
111	1. Tiền	1	537.399.212	266.129.950
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn	2	-	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.307.402.444	2.019.398.486
131	1. Phải thu khách hàng		4.688.299.518	1.971.144.246
132	2. Trả trước cho người bán		170.848.686	-
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	3	7.448.254.240	48.254.240
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		4.468.492.092	6.646.873.627
141	1. Hàng tồn kho	4	4.468.492.092	6.646.873.627
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		398.564.231	381.591.320
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		381.591.320	381.591.320
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.972.911	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5	-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.456.176.747	24.705.832.080
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ	7	-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	8	-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		23.429.533.332	24.705.832.080
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	15.733.717.580	17.131.024.739
222	- Nguyên giá		19.284.638.752	19.519.267.616
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.550.921.172)	(2.388.242.877)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	4.504.901.864	4.685.136.503
228	- Nguyên giá		4.848.288.182	4.833.088.182
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(343.386.318)	(147.951.679)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	3.190.913.888	2.889.670.838

240	III. Bất động sản đầu tư	13	-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.000.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	14	2.000.000.000	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		26.643.415	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	26.643.415	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22	-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43.168.034.726	34.019.825.463

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		17.269.915.134	16.835.900.274
310	I. Nợ ngắn hạn		10.232.335.733	6.373.400.274
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	7.729.650.800	4.000.000.000
312	2. Phải trả người bán	0	2.056.673.030	447.511.178
313	3. Người mua trả tiền trước	0	-	420.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	446.011.903	1.234.568.741
315	5. Phải trả người lao động		-	266.392.055
316	6. Chi phí phải trả	18	-	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	19	-	4.928.300
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
330	II. Nợ dài hạn		7.037.579.401	10.462.500.000
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ	20	-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	21	7.037.579.401	10.462.500.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		25.898.119.592	17.183.925.189
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	25.898.119.592	17.183.925.189
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		22.200.000.000	14.200.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-

416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.698.119.592	2.983.925.189
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí	24	-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		43.168.034.726	34.019.825.463

4.2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	22.980.811.200	10.196.744.425
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.980.811.200	10.196.744.425
11	4. Giá vốn hàng bán	26	18.901.430.146	5.496.516.530
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.079.381.054	4.700.227.895
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	975.719	960.929
22	7. Chi phí tài chính	28	1.084.905.501	1.076.369.701
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.084.905.501	1.076.369.701
24	8. Chi phí bán hàng		955.399.279	844.281.642
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		977.895.912	542.765.462
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.062.156.081	2.237.772.019
31	11. Thu nhập khác	29	118.181.818	-
32	12. Chi phí khác	30	214.236.562	-
40	13. Lợi nhuận khác		(96.054.744)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		966.101.337	2.237.772.019
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	251.906.934	561.478.403
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		714.194.403	1.676.293.616
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		400	1.253

4.3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2010 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	14.914.042.043	8.752.722.469
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(7.269.399.909)	(4.798.594.952)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(3.304.971.143)	(1.900.955.408)

04	4. Tiền chi trả lãi vay	(1.084.905.501)	(1.629.639.113)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.294.133.841)	(59.220.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	200.204.128	960.929
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(8.151.064.935)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.990.229.158)	365.273.925
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(44.207.500)	(1.274.981.536)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	975.719	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.043.231.781)	(1.274.981.536)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	8.000.000.000	2.200.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	4.016.650.800	9.325.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.711.920.599)	(10.947.200.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	8.304.730.201	577.800.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	271.269.262	(331.907.611)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	266.129.950	598.037.561
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	537.399.212	266.129.950

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

5.1. Kiểm toán độc lập

Không có.

5.2. Kiểm toán nội bộ:

Không có.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

6.1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty

Không có

6.2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ

Không có

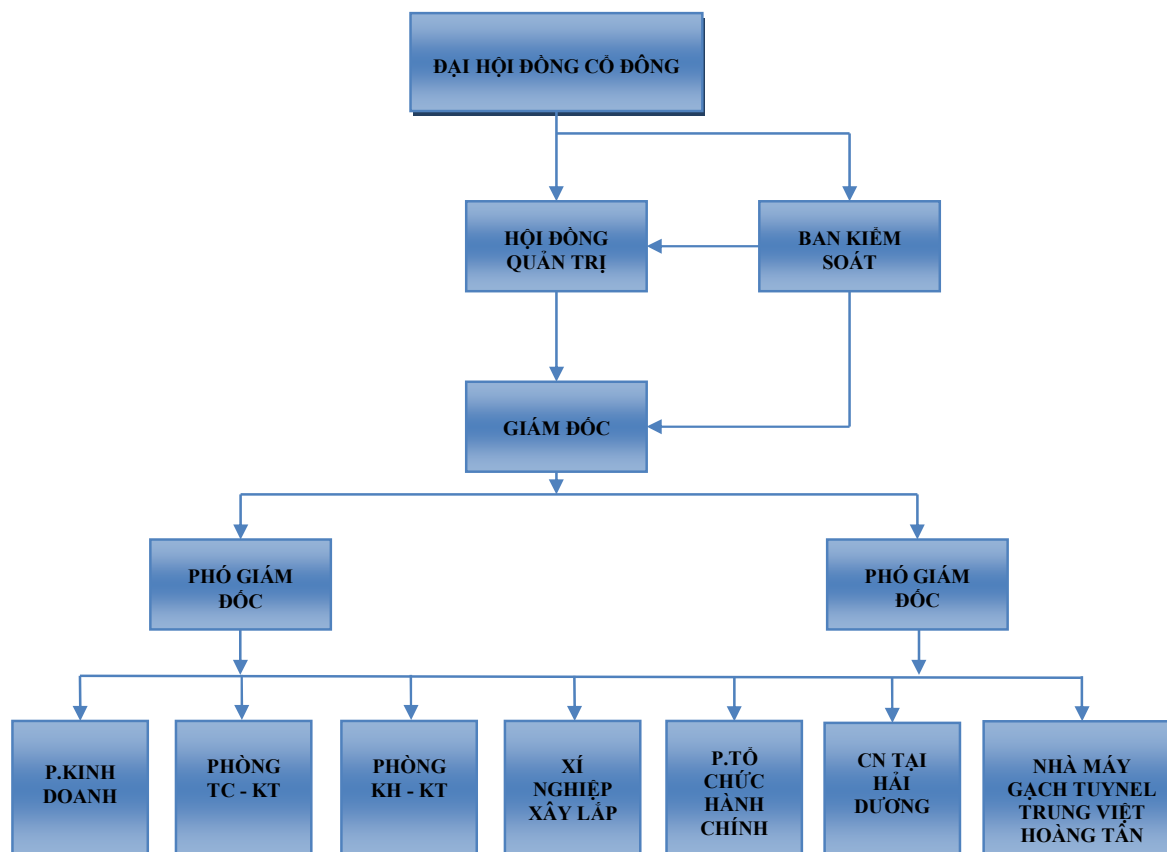
VI. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

7.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật đầu tư số 59/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2007; điều chỉnh & bổ sung gần nhất vào ngày 10/05/2010.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



7.2. Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động

7.2.1. Số lượng cán bộ nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2010, tổng số lao động trong Công ty là 152 người. Cơ cấu lao động phân loại như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo trình độ chuyên môn	152	100
1	Đại học và trên đại học	25	16,45
2	Cao đẳng, trung cấp	22	14,47
3	Lao động kỹ thuật	21	13,82
4	Lao động phổ thông	84	55,26
II	Phân theo đối tượng lao động	152	100
1	Lao động trực tiếp	104	69,08
2	Lao động gián tiếp	47	30,92

7.2.2. Chính sách đối với người lao động

- Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược của Công ty.

○ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 6 ngày/tuần, buổi sáng: đối với nhóm trực tiếp từ 6h đến 10h; nhóm gián tiếp từ 7h đến 11h. Buổi chiều từ 12h30 đến 17h.
- Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của Nhà nước.
- Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của Nhà nước.
- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ công cụ bảo hộ lao động, trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt để đảm bảo năng suất lao động và an toàn cho CBCNV.

○ Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty hướng tới mục tiêu trang bị cho CBCNV những kiến thức, kỹ năng tiên tiến đồng thời phải đảm bảo nguyên tắc tạo nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp.

- Công tác đào tạo được chia ra thành hai phần:

Đào tạo lý thuyết

Đối với công tác xây lắp :

- Công ty sẽ phối hợp với các trường đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành của Tổng công ty xây dựng Hà Nội. Đào tạo các chuyên ngành phù hợp với qui mô và yêu cầu của ngành bao gồm các ngành nghề như : Nê, sắt, mộc cốp pha, gò hàn, điện, điện điều khiển, và các ngành nghề khác... Phù hợp với từng đối tượng. Đảm bảo cho người lao động khi bắt tay vào công việc đã được trang bị đầy đủ.

Đối với công tác sản xuất VLXD gạch ngói đất sét nung :

- Công ty sẽ phối hợp với trường đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành của Tổng công ty thủy tinh và gốm xây dựng Viglacera. Đào tạo các chuyên ngành phù hợp với qui mô và yêu cầu của nhà máy bao gồm các ngành nghề như : Cơ khí, gò, hàn, điện, điện điều khiển, chế biến tạo hình, kỹ thuật nung, sấy và các ngành nghề khác... Phù hợp với từng đối tượng.
- Đối với các cán bộ kỹ sư trẻ Công ty khuyến khích các cán bộ trẻ đi sâu tìm hiểu các kiến thức khoa học, công nghệ mới áp dụng vào thực tiễn sản xuất. Phối kết hợp và tham vấn các nhà khoa học đầu ngành tại các trường đại học các viện nghiên cứu để tìm ra cho mình hướng đi mới, phát triển vượt bậc về khoa học công nghệ và ứng dụng trong xây dựng và sản xuất VLXD.

Đào tạo thực hành tại Công ty

- Sau khi người lao động đã học xong phần lý thuyết, Công ty sẽ bố trí xen kẽ những công nhân đã có tay nghề cao kèm cặp công nhân mới được đào tạo tại các công đoạn sản xuất cho đến khi đảm nhận thành thạo công việc.
- Sau khi tuyển dụng lao động, Công ty sẽ tổ chức cho người lao động được tham gia các lớp học tập và tập huấn tùy theo qui mô và số lượng lao động tham gia để có các hình thức đào tạo cho thích hợp.

o Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

- Người lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Lao động và các khoản trợ cấp, thưởng và được đóng BHXH, BHYT... Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Công đoàn và các đoàn thể của Công ty thường xuyên quan tâm đến phong trào thi đua lao động sản xuất, khen thưởng kịp thời, chăm lo đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi cho CBCNV trong toàn Công ty.
- Đối với chế độ tiền lương, Công ty thực hiện nghiêm chỉnh luật lao động. Ngoài ra, Công ty còn có chế độ khen thưởng cho người lao động khi người lao động có sáng kiến làm lợi cho Công ty.

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**8.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****8.1.1. Thành viên Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị bao gồm 5 thành viên:

Stt	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Việt Trung	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2	Bùi Tuấn Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
3	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT kiêm phó Giám đốc
4	Đàm Văn Toàn	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thanh Tuấn	Thành viên HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Việt Trung
- Số CMTND: 010424355 cấp ngày 18/07/2009 tại CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/02/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh trì - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 10 ngách 1/26 Phan Đình Giót –phường Phương Liệt - Thanh Xuân – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0982609486
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại Học - Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1983 – 1985: Tổng Công ty Sông Đà – Bộ Xây Dựng
 - Từ năm 1985 - 2004: Công ty Cổ phần ĐT XD TM số 34 - Tổng Công ty XD Hà Nội - Bộ Xây Dựng
 - Từ năm 2004 đến nay: Công ty Cổ phần Đầu Tư XD TM Trung Việt
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 71.000 cổ phần, trong đó:
 - *Sở hữu cá nhân: 71.000 cổ phần*
 - *Sở hữu đại diện: 0 cổ phần*
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 442.000 cổ phần, trong đó:
 - *Em gái: Nguyễn Thị Thu Trang số cổ phần sở hữu 442.000 cổ phần*
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

2. Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Họ và tên: Bùi Tuấn Hải
- Số CMTND: 012375775 cấp ngày 19/08/2000 tại CA. Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/06/1964
- Nơi sinh: Thành phố Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiền Hải- Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: A6 - P408A TT Thanh Xuân Bắc – phường Thanh Xuân Bắc – Q.Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 091355049 – 043.8543517
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại Học - Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1989 - 2004: Làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 34
 - Từ năm 2004 - nay: Làm việc tại công ty Cổ phần phát triển nhà và Sản xuất vật liệu Xây dựng Chí Linh.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 112.700 cổ phần, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 112.700 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

3. Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Trang
- Số CMTND: 011607941 cấp ngày 29/11/2004 tại CA. Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/07/1970
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Trì - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 33B Tập thể quân đội 12A Lý Nam Đế - Phường Hàng Mã - Hoàn Kiếm - Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0989209899
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp quản lý kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2004 - nay: Làm việc tại công ty Cổ phần phát triển nhà và Sản xuất vật liệu Xây dựng Chí Linh
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 442.000 cổ phần, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 442.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 71.000 cổ phần, trong đó:
 - Anh trai: Nguyễn Việt Trung số cổ phần sở hữu 71.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

4. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đàm Văn Toàn
- Số CMTND: 030937765 ngày 09/06/2007 tại CA.Hải Phòng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/07/1952
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đur Hàng Kênh – Lê Chân - Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Số 25, lô 5 Quán Nam, khu dân cư Hào Khê, P.Kênh Dương, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 0913240378
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại Học - kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1971 - 1976 : Bộ đội
 - Từ năm 1976 - 1982 : Học tại Trường Đại Học Kiến Trúc Hà Nội
 - Từ năm 1982 - nay : Công tác tại Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 155.800 cổ phần, trong đó:
 - *Sở hữu cá nhân: 155.800 cổ phần*
 - *Sở hữu đại diện: 0 cổ phần*
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

5. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Tuấn

- Số CMTND: 012461935 cấp ngày 09/08/2001 tại CA. Hà nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/12/1987
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Trì – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 9 Phố Chùa Vua (phố 332 cũ), phường phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0979746429
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2007 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần phát triển nhà và sản xuất vật liệu xây dựng Chí Linh.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 43.100 cổ phần, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 43.100 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 750 cổ phần
Trong đó Anh trai : Nguyễn Nam Thắng nắm giữ 750 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

8.1.2. Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Tên	Chức vụ
1	Đỗ Đăng Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Đinh Thị Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bùi Thị Nụ	Thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm Soát

- Họ và tên: Đỗ Đăng Hải
- Số CMTND: 011009406 ngày 18/09/2007 tại CA. Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1952
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bạch trử - Tiến Thắng – Mê Linh – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 104, D6, tổ 79 P. Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 043.8361094
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm
 - Từ năm 1971 - 1976 : Bộ đội
 - Từ năm 1977 - 1981 : Học tại Học viện Tài chính
 - Từ năm 1981 - 2004 : Công tác tại Công ty CPXD số 2 – Vinaconex
 - Từ năm 2004 - 2008 : Công tác Tại Công ty CP ĐTXD số 34
 - Từ năm 2008 - nay : Nghỉ hưu
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 24.000 cổ phần, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 24.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 450 cổ phần

Trong đó : con trai Đỗ Đăng Hưng nắm giữ 450 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

2. Thành viên Ban Kiểm Soát

- Họ và tên: Đinh Thị Thu Hương
- Số CMTND: 011788347 cấp ngày 20/12/1996 tại CA.Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/08/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiến Xương – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: P6B, E8 Quỳnh Mai, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0989082996
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2000 - 2002 : Công tác tại Công ty Luật Hà Nội
 - Từ năm 2002 - nay : Công tác tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – CN Hà Thành
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ: 5000 cổ phần, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 5000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

3. Thành viên Ban Kiểm Soát

- Họ và tên: Bùi Thị Nụ
- Số CMTND: 142268656 cấp 13/02/2009 tại CA. Hải Dương

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 31/12/1986
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Lang – Thanh Hà - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Thanh Lang – Thanh Hà - Hải Dương
- Số điện thoại liên lạc: 0906298600
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2007 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần phát triển nhà và sản xuất Vật liệu xây dựng Chí Linh
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.200 cổ phần, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

8.1.3. Ban Giám đốc

Stt	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Việt Trung	Giám đốc
2	Bùi Tuấn Hải	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Thị Thu Trang	Phó Giám đốc

- 1. Ông Nguyễn Việt Trung – Giám đốc (như trên)**
- 2. Ông Bùi Tuấn Hải – Phó giám đốc (như trên)**
- 3. Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Phó giám đốc (như trên)**

8.1.4. Kế toán trưởng

- Họ và tên: Đặng Thị Dương
- Số CMTND: 142365247 cấp:10/04/2008 tại CA.Hải Dương
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/08/1986
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thôn Đại Tân, Phường Hoàng Tân, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Thôn Đại Tân, Phường Hoàng Tân, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương
- Số điện thoại liên lạc: 0977642365
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 2007 đến nay : Công tác tại Công ty Cổ phần phát triển nhà và sản xuất vật liệu xây dựng Chí Linh
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.200 cổ phần, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

8.2. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Trong năm 2010. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không có thù lao.

8.3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn đến 13/12/2010:

8.3.1. Cơ cấu cổ đông của Doanh nghiệp

Cơ cấu cổ đông của MCL ngày 13/12/2010:

Danh mục	Cổ đông trong nước		
	Số lượng CP	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp	2.220.000	22.200.000.000	100%
Cổ đông sáng lập	627.700	6.277.000.000	28,27%
Cổ đông sở hữu trên 5%	710.500	7.105.000.000	32,00%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	231.400	2.314.000.000	10,42%
Cổ phiếu quỹ	0	0	

8.3.2. Thông tin về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Số 33B-12A Lý Nam Đế, Hà Nội	442.000	19,91%
2	Đàm Văn Toàn	Số 25, Lô 5 Quán Nam, Lê Chân, Hải Phòng	155.800	7,02%
3	Bùi Tuấn Hải	408A-A6, TT Thanh Xuân Bắc, Hà Nội	112.700	5,08%
4	Nguyễn Thanh Sơn	Tổ 31 Ngọc Thụy - Long Biên - Hà Nội	110.000	4,95%
5	Trần Minh Nguyệt	Số 32 Đồng Xuân - Hà Nội	100.000	4,50%
6	Dương Anh Tuấn	Số 32 Đồng Xuân - Hà Nội	100.000	4,50%
7	Vũ Thế Tuấn	Cẩm Giàng - Hải Dương	90.000	4,05%
8	Vũ Thuý Nga	92 Hàng Gai - Hà Nội	90.000	4,05%
9	Vương Thị Thanh Đan	Cống Vị - Ba Đình - Hà Nội	90.000	4,05%

10	Nguyễn Việt Trung	Số 36, ngõ 21 phố Phan Đình Giót, Hà Nội	71.000	3,20%
	Tổng cộng		1.361.500	61,33%

Hà Nội, Ngày.....tháng.....năm 2011

**CTCP PT NHÀ VÀ SXVLXD CHÍ LINH
T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK HN;

NGUYỄN VIỆT TRUNG